

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2021
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn M Trang và bà Trần Thị Liên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2021 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐHPTST-DS ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990

ĐKKHKT: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1992.

ĐKKHKT tại: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị N có mặt; anh T vắng mặt.

Người làm chứng

- Bà Bùi Thị M, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn A Kim, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Bùi Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/02/2016. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm bất đồng dẫn đến việc vợ chồng xuyên cãi vã nhau. Mặt khác, anh T là người không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng lên tới đỉnh điểm là vào khoảng tháng 3 năm 2021, sau khi vợ chồng có nói chuyện về chỗ ở giữa chị và anh T không thống nhất được, bức tức anh T đã đánh chị trước mặt con. Chính vì vậy, chị càng cảm thấy sự thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống nên chị đã tự bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A Kim, xã C, huyện N sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Kể từ khi sống ly thân với nhau anh T cũng không hề hỏi han, quan tâm đến chị và gia đình nhà chị; anh Thiện đang làm việc tại Hà Nội nên chỉ thi thoảng gọi điện cho bố mẹ chị để gặp và hỏi thăm con. Cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung chị đã quyết định làm đơn xin ly hôn và đã liên lạc với anh T, thông báo cho anh T biết về việc chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án để giải quyết. Anh T thông báo với chị là đồng ý ly hôn và đồng ý cho chị nuôi con nhưng không về Tòa án giải quyết được vì hiện nay do tình hình dịch bệnh anh T gặp khó khăn trong việc đi lại. Hiện chị chỉ biết anh T đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội còn địa chỉ cụ thể chị không nắm được, chị hỏi thì mẹ đẻ anh T cũng không biết, cũng chưa lần nào lên Hà Nội thăm anh T. Việc mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017. Hiện cháu L đang ở với chị, cháu còn nhỏ lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi con. Khi nuôi con chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm nghề tự do ai thuê gì làm lấy và có kinh doanh online, tổng thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng đủ để mẹ con chị sinh sống tuy nhiên do làm tự do nên không có xác nhận về thu nhập. Do chị và con đang ở cùng bố mẹ đẻ ở xã C, bố mẹ đẻ chị dành cho mẹ con chị một căn phòng với diện tích khoảng 40 m², đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Ngoài ra, bố mẹ chị còn hỗ trợ mẹ con chị về việc chăm sóc con và nếu chị cần bố mẹ chị sẽ hỗ trợ cả về kinh tế.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời khai của anh

Tđược. Anh T có gửi đơn đề nghị vắng mặt đến Tòa án qua đường bưu điện. Nội dung đơn có thể hiện anh được biết chị Nguyễn Thị Hồng Nđang làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N. Do anh đang làm ăn ở xa, không về được và lại đang trong vùng phong tỏa do dịch bệnh nên anh nhất trí Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án ly hôn của anh chị để thuận tiện việc đi lại cho chị N. Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng và nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017 hiện cháu đang ở với chị N, cháu còn nhỏ lại là con gái nên anh nhất trí để chị N tiếp tục nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ, công sức đóng góp gia đình hai bên: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh T) xác định: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, anh T lại mãi chơi không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Bà còn thấy có lần anh T đánh chị N trước mặt con. Hiện anh T đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội còn chị N và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị N ở xã C sinh sống. Anh TtH xuyên gọi điện về hỏi thăm bà và có thi thoảng về nhà rồi lại đi ngay. Bà đã thông báo cho anh T về việc Tòa án báo gọi anh T về để giải quyết vụ án nhưng anh T nói không về được. Anh T có nói với bà đã gửi đơn đề nghị vắng mặt cho Tòa án (Tòa án đã cho bà M xem đơn đề nghị vắng mặt mà Tòa án nhận được, bà M xác định đúng chữ ký của anh T trong đơn). Việc ly hôn của anh chị N – T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N và theo quy định của pháp luật; việc nuôi con bà đề nghị để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh chị không có tài sản gì chung. Bà có hỏi địa chỉ cụ thể của anh T ở Hà Nội nhưng anh T không nói nên bà không cung cấp được cho Tòa án.

Lời khai của bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị N) xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị N, T không có hạnh phúc. Bà được biết nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, lại có quan hệ với người phụ nữ khác, tH xuyên đi làm ăn xa, lại mãi chơi không quan tâm đến gia đình, không vun vén cho tương lai dẫn đến việc vợ chồng cãi vã nhau, đã có lần anh T đánh chị N trước mặt con. Bà nhận thấy cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc. Chị N do không ở được với anh T nên đã bế con về nhà bà ở từ tháng 3/2021 đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Về con chung: Cháu Bùi Thị Diệu L đang ở chị N tại nhà bà ở thôn A Kim, xã C. Nếu Tòa án giải quyết cho chị N được nuôi con bà sẽ

tạo điều kiện cho mẹ con chị N về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị N về việc chăm sóc con.

Xác M tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã P. Nay chị N xin ly hôn anh T tại Tòa án UBND không nắm được mâu thuẫn vợ chồng vì khi gửi đơn chị N không yêu cầu hòa giải cơ sở. Địa phương chỉ nắm được hiện chị N và con gái đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C sinh sống còn anh T đi làm ăn xa thì thoảng có về thăm nhà. Chị N làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác M tại Công an xã P thể hiện: Chị N, anh Thiện vẫn đăng ký hộ khẩu tH trú tại thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, hiện nay cả anh T và chị N không có mặt tại địa phương. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C sinh sống còn anh T hiện đang đi làm ăn xa, nghe nói ở Hà Nội nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Tại công văn số 25512/QLXNC – P5 ngày 26/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp thông tin: Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của trường hợp Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/1992, số Chứng M nhân dân 142684950.

Tại phiên tòa chị N có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; về con chung chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Bùi Văn T; về con chung: Giao cháu Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N tự

nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Bùi Văn T, anh T có hộ khẩu tH trú tại thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T đã được chị N thông báo về việc khởi kiện, tuy nhiên anh T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt văn bản tố tụng đối với anh T thông qua người thân, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh T đi làm ăn xa, không gửi tiền về để chị N nuôi con. Mặt khác, có việc anh T đánh chị N dẫn đến việc vợ chồng không còn tin tưởng nhau, tôn trọng nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh T H xuyên gọi điện liên lạc với mẹ để hỏi thăm, thi thoảng liên lạc với con và về thăm nhà chốc lát rồi lại đi luôn nhưng không hề quan tâm, hỏi han gì đến chị N. Gia đình hai bên cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu, hỏi anh T cũng không nói. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị N và mẹ đẻ anh T cũng đã thông tin cho anh T biết nhưng anh T vẫn cố tình giấu địa chỉ, chứng tỏ anh T cũng không tha thiết tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, chị N, anh T không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng chị N, anh T đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay, anh T vắng mặt nên HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Bùi Văn T là phù hợp

với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi con Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017. Khi nuôi con chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay con chung đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh T không biết ở đâu, cũng không quan tâm chăm lo đến con chung nên cần giao cháu Bùi Thị Diệu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu T phải cấp dưỡng cho con chung là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị N xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Bùi Văn T

- Về con chung: Xử: Giao cháu Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 13/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0003503 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã P, huyện N để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thị Diệp